

Bản án số: /2026/DS-ST
Ngày 24-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các hội thẩm nhân dân: Ông

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân huyện Khu vực 3 – Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 89/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 11/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-DS ngày 05/3/2026, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (Viết tắt là A). Địa chỉ: Số A, Trần Hữu D, Khu đô thị M, phường T, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc A

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Phi N, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh N2.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh NHNo&PTNT Thiệu Hóa. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 3, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đồng bị đơn: - Bà **Trần Thị H1**, sinh năm 1983.

- Ông **Lê Đình S**, sinh năm 1983.

Đều có địa chỉ: Khu phố A, xã T, tỉnh Thanh Hóa

Bà Trần Thị H1 có mặt, ông Lê Đình S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 3525-LAV-202302906, ký ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa Ngân hàng A Chi nhánh N2 - Thanh Hóa và bà Trần Thị H1, ông Lê Đình S. Theo đó, A Chi nhánh N2 - Thanh Hóa cấp tín dụng cho bà H1, ông S vay số tiền là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Mua vật liệu sửa chữa nhà ở, cải tạo khu chăn nuôi. Thời hạn vay 36 tháng; Lãi suất vay: Trong hạn là 7%/năm; Quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn cùng loại. Đến ngày 02 tháng 12 năm 2024, thì A Chi nhánh N2 - Thanh Hóa và bà Trần Thị H1 đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3525-LAV-202302906, ký ngày 20 tháng 7 năm 2023, Số 01/HĐSD/2024 về lãi suất cho vay, lãi chậm trả.

Để bảo đảm cho khoản vay ngày 20/7/2023, bà H1, ông S đã thế chấp tài sản cho vay có bảo đảm bằng tài sản 100%. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3525/32/62/2020/HĐBĐ ngày 29/7/2020, tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, cụ thể: Diện tích đất: 62 m²; mục đích sử dụng: Đất ở: 62 m²; địa chỉ thửa đất: T, Thị trấn T, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa (xay là Khu phố A, xã T), tỉnh Thanh Hóa. Tổng giá trị tài sản bảo đảm: 310.000.000 đồng; giấy tờ về tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: BG 534639 do UBND huyện T cấp ngày 25/8/2011. Thủ tục bảo đảm tiền vay: Đã công chứng tại Văn phòng C và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 30/7/2020.

Thời gian đầu khi ký kết hợp đồng, gia đình bà Trần Thị H1, ông Lê Đình S thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Nhưng đến ngày 25/02/2025 thì không thực hiện trả nợ gốc, lãi theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, nên toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Nên, Ngân hàng N3 Chi nhánh N2 đã thông báo đến gia đình bà Trần Thị H1, ông Lê Đình S các khoản nợ đến hạn, nợ quá hạn, sau khi chuyển sang nợ quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với gia đình bà và yêu cầu gia đình trả nợ tiền vay theo đúng quy định nhưng gia đình bà H1, ông S1 vẫn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho A chi nhánh N2.

Tính đến ngày 09/01/2026, số tiền nợ của gia đình bà H1, ông S1 đang nợ A chi nhánh N2 số tiền là: 208.399.442 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 195.950.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 11.950.268 đồng; nợ lãi quá hạn: 499.174 đồng.

Ngân hàng A Chi nhánh N2 đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa giải quyết, gồm:

- Buộc bà Trần Thị H1, ông Lê Đình S1 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A chi nhánh N2 số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 23/03/2026 là: 211.578.296đ; trong đó: Nợ gốc: 195.950.000đ; nợ lãi trong hạn: 14.693.568đ; nợ lãi quá hạn: 934.728đ.

- Buộc bà Trần Thị H1, ông Lê Đình S phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng phát sinh từ ngày 24/3/2026 cho đến thời điểm thực tế trả hết nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

- Nếu bà Trần Thị H1, ông Lê Đình S không thanh toán được nợ gốc, lãi còn nợ, đề nghị cho Ngân Hàng được đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm mà gia đình bà Trần Thị H1, ông Lê Đình S đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ cho A Chi nhánh Thiệu Hoá theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Tòa tuyên buộc bà Trần Thị H1, ông Lê Đình S phải chịu toàn bộ án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Trần Thị H1 trình bày:

Chị thừa nhận có vay của Ngân hàng N1, Chi nhánh N2 số tiền là 200.000.000đồng từ ngày 20/7/2023; mục đích vay để sửa chữa cái tại nhà làm nơi làm nghề cơ khí tại nhà; thời hạn vay 36 tháng phải trả hết toàn bộ gốc và lãi cho ngân hàng; Thời gian đầu mới vay thì trả gốc, lãi đều, nhưng được một thời gian, thì làm không được; đến tháng 8,9/2023 chồng chị là anh Lê Đình S đã vào trong Nghề An làm và không về nữa; Nay mình chị đnag nuôi 05 con, chị đi làm thuê mỗi được tháng 5.000.000đ, không đủ nuôi con, nên không có khả năng trả nợ. Mong Ngân hàng cho chị được giảm số tiền, xin nộp chậm, với mức phù hợp trên thu nhập của chị, khi nào chị tìm được anh Lê Đình S về sẽ cùng trả nợ, nếu không được thì cho chị xin được gia hạn vay thêm thời gian vay, để con trai đầu học xong cấp 3 sẽ đi làm cùng chị để trả nợ, bây giờ xin được trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng.

Ông Lê Đình S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng Dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn Trần Thị H1 chấp hành đúng pháp luật của người tham gia tố tụng Dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 147, Điều 227 Điều 228 ; Điều 463, Điều 466, Điều 468 ; Điều 91 của 2010; Điều 7, Điều 8, Điều 12 của ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N4 (A). Buộc ông Nguyễn Tài T và bà Đỗ Thị M phải liên đới trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh liên quan đến Hợp đồng tín dụng đã ký, tính đến ngày 05/02/2026 là 103.990.409đồng, trong đó: Nợ gốc là 100.000.000đồng; nợ lãi quá hạn là: 3.990.409đồng. Buộc ông Nguyễn Tài T và bà Đỗ Thị M phải liên đới tiếp tục chịu tiền lãi suất phát sinh/số dư nợ gốc sau ngày 05/02/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký, cho đến ngày ông Nguyễn Tài T và bà Đỗ Thị M thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng A.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Tài T và bà Đỗ Thị M, vì ông bà là người cao tuổi. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng N4 (A); Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đồng bị đơn ông Nguyễn Tài T có mặt; đồng bị đơn bà Đỗ Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ và Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đồng bị đơn Đỗ Thị M.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp về dân sự. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa.

[2]. Xét về nội dung ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng:

Ngày 20/7/2023, Ngân hàng N1 và bà Trần Thị H1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3525-LAV-202302906, cấp tín dụng số tiền 200.000.000 đồng cho bà Trần Thị H1 vay; mục đích sử dụng tiền vay: chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu phục vụ đời sống ổn định với quy mô nhỏ; thời hạn vay 36 tháng. Đến ngày 02/12/2025, hai bên đã ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung “Hợp đồng tín dụng số 3525-LAV-202302906 ngày 20/7/2023” số: 01/HĐSD/2024. Hai bên thỏa thuận tại Báo cáo giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 02/12/2025 là: Thời gian trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng kể từ ngày ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung; thời gian trả nợ gốc: Phân thành 05 kỳ : kỳ 01 là ngày 28/12/2025 trả nợ: 30.000.000 đồng; kỳ 02 ngày 28/12/2026 trả nợ: 40.000.000 đồng; kỳ 03 ngày 28/12/2027 trả nợ: 40.000.000 đồng; kỳ 04 ngày 28/12/2028 trả nợ: 40.000.000 đồng; kỳ 05 ngày 02/12/2029 trả nợ: 50.000.000 đồng; Lãi xuất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 7%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả 10%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay ngày 20/7/2023, bà H1, ông S đã thế chấp tài sản bảo đảm bằng tài sản 100%. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3525/32/62/2020/HĐBĐ ngày 29/7/2020, tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, cụ thể: Diện tích đất: 62 m²; mục đích sử dụng: Đất ở: 62 m²; địa chỉ thửa đất: T, Thị trấn T, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa (xay là Khu phố A, xã T), tỉnh Thanh Hóa. Kèm theo giấy tờ về tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: BG 534639 do UBND huyện T cấp ngày 25/8/2011. Thủ tục bảo đảm tiền vay: Đã công chứng tại Văn phòng C và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 30/7/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 25/03/2025 bà H1, ông S đã không thực hiện trả nợ lãi theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, nên toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn; Ngân hàng đã làm việc với bà H1 nhiều lần, bà H1 cũng đã cam kết trả nợ nhưng vẫn không trả.

Như vậy, về hình thức hợp đồng tín dụng này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai

ép buộc, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Điều 1, Điều 2 của , ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N5.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi ký kết hợp tín dụng số 3516-LAV-202203632 ngày 05/07/2022, thì Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cấp quỹ tín dụng số tiền 200.000.000đ cho ông Nguyễn Tài Q và bà Đỗ Thị M là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Ngày ngày 12/3/2024 các bên đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3516-LAV-202203632 ngày 05/07/2022, số 01/2024 để điều chỉnh một số điều của Hợp đồng trước đó. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông T và bà M không thực hiện trả nợ, mà chỉ trả được 30.000.000đ (ngày 06/7/2025) và tự ý ngừng thực hiện hợp đồng tín dụng, nên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Sau đó, Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn nhiều lần cho ông T, bà M biết để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi phát sinh/tiền gốc tương ứng với thời gian quá hạn trả gốc và lãi nhưng ông T, bà M không trả, nên toàn bộ khoản vay còn lại bị chuyển nợ quá hạn tính từ ngày 07/7/2025. Tính đến ngày 08/7/2025 bên vay còn nợ gồm: Nợ gốc 170.000.000đồng và tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Trong thời gian từ 08/7/2025 đến ngày 05/02/2026 ông T và bà M đã trả thêm cho Ngân hàng được 70.000.000đồng tiền gốc (việc này Ngân hàng xác nhận). Như vậy, tính đến ngày 05/02/2025, ông T bà M đã trả được 100.000.000đồng tiền gốc và 67.854.796đồng lãi suất; Số tiền gốc còn lại chưa trả là 100.000.000đồng và số tiền lãi quá hạn phát sinh trong thời gian này là 3.990.409đồng là đúng pháp luật, phù hợp với khoản 2 Điều 100 Điều 7, 8 ,12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, bà Trần Thị H1 và ông Lê Đình S thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm hợp đồng mà các bên đã ký kết, nên ông Nguyễn Tài T và bà Đỗ Thị M là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng, nên phải chịu hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật.

Do vậy, buộc ông Nguyễn Tài T và bà Đỗ Thị M phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1, tính đến ngày 05/02/2025 tổng cộng là 103.990.409đ (Một trăm ba mươi ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, bốn trăm linh chín đồng) của Hợp đồng tín dụng số hợp đồng số 3516-LAV-202203632 ngày 05/07/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3516-LAV-202203632 ngày 05/07/2022, số 01/2024 ngày 12/3/2024.

Ngoài ra, buộc ông T và bà M còn phải có nghĩa vụ chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày xét xử sơ thẩm (06/02/2026) cho đến khi thực tế thanh toán hết khoản nợ (tất toán khoản vay) theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 3516-LAV-202203632 ngày 05/07/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3516-LAV-202203632 ngày 05/07/2022, số 01/2024 ngày 12/3/2024 giữa các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

[5]. Về về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tài Q và bà Đỗ Thị M là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng N1 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Nhận định khác: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BV 178304; số vào sổ cấp GCN: CH 002739 – số 1376/QĐ-UBND của UBND huyện T cấp ngày 12/5/2015 cho ông Nguyễn Tài T và Đỗ Thị M, thì Ngân hàng N1 - Chi nhánh T1 - Phòng giao dịch Nura đang giữ hộ, thì tiếp tục giữ để đảm bảo cho việc trả nợ, theo quy định tại khoản 3, Điều 9, Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và khoản 7 Điều 1 Nghị định 156/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1, cụ thể:

1.1. Về số nợ: Buộc ông Nguyễn Tài T và bà Đỗ Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N1 số tiền gốc còn nợ và lãi phát sinh/tiền gốc tính đến ngày 05/02/2026, của Hợp đồng tín dụng số 3516-LAV-202203632 ngày 05/07/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 3516-LAV-202203632 ngày 05/07/2022, số 01/2024 ngày 12/3/2024, là **103.990.409đ** (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, bốn trăm linh chín đồng), trong đó: Nợ gốc là: 100.000.000đ; nợ tiền lãi là: 3.990.409đ.

1.2. Về lãi suất phát sinh: Buộc ông T, bà M còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày xét xử sơ thẩm (06/02/2026), của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về tài sản giữ hộ: Ngân hàng N1 - Chi nhánh T1 - Phòng giao dịch Nura được tiếp tục giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 178304; số vào sổ cấp GCN: CH 002739 – số 1376/QĐ-UBND của UBND huyện T cấp ngày 12/5/2015 cho ông Nguyễn Tài T và Đỗ Thị M, để bảo đảm cho việc trả nợ.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Tài Q và bà Đỗ Thị M.

Trả lại cho Ngân hàng N1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.553.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001967 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND T. Thanh Hóa;
- Phòng 9 - Viện KSND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện KSND Khu vực 3 (02 bản);
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Thủy Nguyễn Bá Long

Nguyễn Tiến Dũng

